

Bản án số: **14/2021/KDTMST**;
Ngày: 15/11/2021.
V/v: *Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuan Lư

2. Bà Nguyễn Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Phụng Khá - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 22/2020/TLST-KDTM ngày 25/12/2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST-KDTM ngày 24/6/2021 và các Quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Người khởi kiện: Ngân hàng TMCPV.

Địa chỉ trụ sở: Số 89 LH, Phường LH, quận DD, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức danh: Giám đốc Ngân hàng V.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị L- Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ (Theo Giấy ủy quyền số 1682/2020/UQ-VPB ngày 04/5/2020 của Ngân hàng TMCP V).

Bà Lan có mặt tại phiên tòa

Bị đơn: Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và xuất nhập khẩu N

Đăng ký kinh doanh số: 01060003xxdo sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 27/09/2012, thay đổi lần thứ 4 ngày 09/11/2016;

Địa chỉ trụ sở theo đăng ký kinh doanh: Thôn A, xã DT, huyện HĐ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Việt C - Chức vụ: Giám đốc. .

Trú tại: Thôn A, xã DT, huyện HĐ, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Việt C, sinh năm 1982.

2. Bà Nguyễn Vũ H, sinh năm 1983.

Đều trú tại: Thôn A, xã DT, huyện HĐ, thành phố Hà Nội.

Đều vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ngân hàng V trình bày:***

Từ thời điểm năm 2017 – 2018, Công ty N, trụ sở chính tại: Thôn A, xã DT, huyện HĐ, thành phố Hà Nội, người đại diện theo pháp luật là ông Lê Việt C có thực hiện việc vay vốn tại Ngân hàng V thông qua các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế với tổng số tiền vay là: 1.796.913.000 đồng (Một tỷ, bảy trăm chín mươi sáu triệu, chín trăm mười ba nghìn đồng), thông tin chi tiết về khoản vay và lịch trình trả nợ cụ thể của từng khoản vay cụ thể như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 010917-3583354-01-SME ngày 01/09/2017 (Khế ước nhận nợ số 010917-3583354-01-SME ngày 01/09/2017):

- Thời hạn vay: 60 tháng, từ ngày 01/09/2017 đến ngày 01/09/2022
- Số tiền vay: 488.000.000đ (Bốn trăm tám mươi tám triệu đồng)
- Lãi suất: Lãi suất ưu đãi là 7.8% trong 12 tháng đầu tiên. Điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần, điều chỉnh theo biên độ 4%/năm
- Kỳ hạn trả nợ: Trả nợ gốc là hàng tháng cho đến khi kết thúc thời hạn vay, trả lãi là bên vay phải trả nợ lãi cho ngân hàng định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 25 hàng tháng.

2. Hợp đồng tín dụng số 110717-3583354-01-SME ngày 12/07/2017 (Khế ước nhận nợ số 120717-3583354-01-SME ngày 12/07/2017)

- Thời hạn vay: 60 tháng, từ ngày 01/09/2017 đến ngày 01/09/2022.
- Số tiền vay: 600.468.000đ (Sáu trăm triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn đồng)
- Lãi suất: 22.7%/năm điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần, điều chỉnh theo biên độ 14.5%/năm.

- Kỳ hạn trả nợ: Trả nợ gốc là hàng tháng cho đến khi kết thúc thời hạn vay, trả lãi là bên vay phải trả nợ lãi cho ngân hàng định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 25 hàng tháng.

3. Hợp đồng tín dụng số 200417-3583354-01-SME ngày 25/04/2017 (với 02 khế ước nhận nợ):

- Khế ước nhận nợ số 020218-3583354-01-SME ngày 02/02/2018 với số tiền nhận nợ là 142.000.000đ; thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 02/02/2018 đến ngày 02/02/2019; lãi xuất: 21.3%/năm điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần, điều chỉnh theo biên độ 14.5%/năm; kỳ trả nợ: Trả nợ gốc là hàng tháng cho đến khi kết thúc thời hạn vay, trả lãi là bên vay phải trả nợ lãi cho ngân hàng định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 25 hàng tháng.

- Khế ước nhận nợ số 031017-3583354-01-SME ngày 03/10/2017 với số tiền nhận nợ là: 125,000,000; thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 03/10/17 đến ngày 03/10/18; lãi xuất: 21.2%/năm điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần, điều chỉnh theo biên độ 14,5%/năm; kỳ trả nợ: Trả nợ gốc là hàng tháng cho đến khi kết thúc thời hạn vay, trả lãi là bên vay phải trả nợ lãi cho ngân hàng định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 25 hàng tháng.

4. Hợp đồng tín dụng số 170518-3583354-01-SME ngày 21/05/2018 (Khế ước nhận nợ số 180518-3583354-01-SME ngày 21/05/2018);

- Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 21/05/2018 đến ngày 18/05/2019;
- Số tiền vay: 391.455.000đ;
- Lãi xuất: 21.3%/năm điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần, điều chỉnh theo biên độ 15%/năm; kỳ trả nợ:
- Trả nợ gốc là hàng tháng cho đến khi kết thúc thời hạn vay, trả lãi là bên vay phải trả nợ lãi cho ngân hàng định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 15 hàng tháng.

5. Hợp đồng sử dụng thẻ số 298-C-527820;

- Dư nợ vay: 50.000.000đ
- Thời hạn vay: 60 tháng từ ngày ký kết
- Lãi xuất: Lãi được cộng dồn hằng ngày theo dư nợ của chủ thẻ và được tính bằng lãi suất do ngân hàng quy định theo từng thời kỳ.

- Kỳ trả nợ: Vào trước ngày đến hạn thanh toán, nếu khách hàng thanh toán toàn bộ dư nợ cuối kỳ sao kê, ngân hàng sẽ không tính lãi đối với các giao dịch thanh toán hàng hóa dịch vụ trong kỳ sao kê đó, đối với các giao dịch rút ứng tiền/rút tiền mặt thì giao dịch được tính tiền lãi từ ngày giao dịch đến ngày chủ thẻ thanh toán giá trị giao dịch. Khách hàng phải trả toàn bộ dư nợ sau khi sử dụng tiền.

Tất các các hợp đồng trên đều áp dụng mức lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn và phạt chậm trả: Số tiền lãi chậm trả (x) 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm quá hạn/30 ngày (nếu lãi suất theo tháng), hoặc /360 (nếu lãi suất theo năm).

Tài sản bảo đảm/biện pháp bảo đảm cho khoản vay nêu trên là:

- 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger, BKS: 29C-867.36, theo giấy hẹn lấy đăng ký xe do công an thành phố Hà Nội cấp ngày 30/08/2017 đứng tên Công ty CP ĐTXD & XNK N. Xác lập thế chấp tại Ngân hàng V theo hợp đồng thế chấp số 300817-3583354-01-SME/TC ký ngày 31/08/2017.

- Hợp đồng Bảo lãnh số 180518-SME/HĐBL/NGÂN HÀNG V-01-SME ký ngày 18/05/2018; Hợp đồng Bảo lãnh số 180518-SME/HĐBL/NGÂN HÀNG V-02-SME ký ngày 18/05/2018; Hợp đồng Bảo lãnh số 110717-3583354-01-SME/HĐBL ký ngày 12/07/2017; Hợp đồng Bảo lãnh số 110717-3583354-02-SME/HĐBL ký ngày 12/07/2017. Ông Lê Việt C cùng bà Nguyễn Vũ H đồng ý, bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Bên được bảo lãnh (Công ty N) trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý tài sản thế chấp (chi phí thu giữ, trông giữ, chi phí bán đấu giá, tiền phí thi hành án...) và tất cả các nghĩa vụ khác của Bên được bảo lãnh đối với Bên ngân hàng phát sinh từ Hợp đồng cho vay số 170518-3583354-01-SME ký ngày 18/05/2018; Hợp đồng cho vay số 110717-3583354-01-SME ký ngày 12/07/2017 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa Bên được bảo lãnh và Bên Ngân hàng bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

Quá trình thực hiện Hợp đồng Ngân hàng V đã giải ngân cho Công ty N tổng số tiền là: 1.796.913.000 đồng (Một tỷ, bảy trăm chín mươi sáu triệu, chín trăm mười ba nghìn đồng). Công ty N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng V kể từ ngày 25/06/2018 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Tạm tính đến ngày 15/11/2021, Công ty N đã thanh toán cho Ngân hàng V tổng số tiền: 617,686,923 đồng (Sáu trăm mười bảy triệu, sáu trăm tám mươi sáu nghìn, chín trăm hai mươi ba đồng) trong đó, gốc là: 447,326,000đ; lãi là: 170,360,923đ; Công ty N còn nợ Ngân hàng V tổng số tiền là: 2.832.722.291đ (Hai tỷ tám trăm ba mươi hai triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn hai trăm chín mươi một đồng) trong đó, gốc là: 1.349.541.018đ; Lãi trong hạn: 37.557.338đ; Lãi quá hạn: 1.207.102.414đ; Lãi bổ sung: 19.032.000đ; Phạt chậm trả lãi: 219.489.521đ.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng V xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể rút phần yêu cầu công ty N phải trả tiền phạt chậm trả lãi số tiền là: 219.489.521đ (Hai trăm mười chín triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn năm trăm hai mươi một đồng).

Do Công ty N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng V yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau:

- Buộc Công ty N phải trả cho Ngân hàng V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên; Tạm tính đến ngày 15/11/2021, tổng số tiền là: **2.613.232.770đ** trong đó gốc là: **1.349.541.018đ**; nợ lãi là: **1.244.659.753đ**; Nợ lãi bổ sung là: **19.032.000đ**. Kể từ ngày 16/11/2021, Công ty N phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán của các hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng V cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

- Trường hợp Công ty N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản đảm bảo là: 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger, BKS: 29C-867.36, theo giấy hẹn lấy đăng ký xe do công an thành phố Hà Nội cấp ngày 30/08/2017 đứng tên Công ty CP ĐTXD & XNK N. Xác lập thế chấp tại Ngân hàng V theo hợp đồng thế chấp số 300817-3583354-01-SME/TC ký ngày 31/08/2017.

Trong trường hợp tài sản đảm bảo sau khi phát mại không đủ trả nợ thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét công nhận các Hợp đồng bảo lãnh giữa Ngân hàng V với ông Lê Việt C và bà Nguyễn Vũ H, Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xác minh, kê biên, phát mại tài sản của Công ty N, ông Lê Việt C và bà Nguyễn Vũ H để thu hồi nợ cho Ngân hàng V

*** Bị đơn là Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và xuất nhập khẩu N:**

Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và xuất nhập khẩu N có trụ sở tại thôn A xã DT, huyện HĐ, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật là ông Lê Việt C - Giám đốc, có hộ khẩu thường trú tại: Thôn A, xã DT, huyện HĐ, thành phố Hà Nội, Hà Nội (theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số doanh nghiệp 0106000377, đăng ký lần đầu ngày 27/9/2012 do Phòng ĐKKD – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cung cấp).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo yêu cầu giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn là Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và xuất nhập

khẩu N tại địa chỉ: thôn A, xã DT, huyện HĐ, Hà Nội nhưng đều không thực hiện được việc tổng đạt trực tiếp vì lý do Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và xuất nhập khẩu N không hoạt động tại địa chỉ trên.

Theo kết quả xác minh trụ sở hoạt động của Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và xuất nhập khẩu N, UBND xã DT và Công an xã DT cung cấp: Hiện Công ty N không còn hoạt động tại địa chỉ trên và Công ty chuyển trụ sở đi đâu, chính quyền địa phương không biết. Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ trụ sở Công ty, Nhà văn hóa thôn A, xã DT và tại UBND xã DT đúng quy định.

Toà án tiến hành xác minh tại Công an xã DT, huyện Hoài Đức (là nơi người đại diện theo pháp luật có hộ khẩu thường trú) được cung cấp: ông Lê Việt C, sinh năm 1982, có hộ khẩu thường trú và nơi ở tại địa chỉ Thôn A, xã DT, huyện HĐ, thành phố Hà Nội. Hiện nay, ông C chuyển đi đâu, Công an xã DT không nắm được. Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi ông C có hộ khẩu thường trú; Nhà văn hóa thôn A, xã DT và tại UBND xã DT đúng quy định.

Ngày 17/5/2021, Toà án đã gửi công văn số 292/2021/CV – TA đề nghị Chi cục thuế huyện Hoài Đức cung cấp thông tin Công ty N về tình hình hoạt động và nghĩa vụ thuế của Công ty thì được cung cấp: Công ty N không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan thuế theo Thông báo số 3493/TB-CCT-KTr1 ngày 29/4/2021 của Chi cục thuế huyện Hoài Đức. Hiện tại, Công ty N đã đăng ký kê khai và thực hiện việc kê khai thuế tại Chi cục Thuế huyện Hoài Đức và đã tiến hành kê khai thuế cho đến nay.

Ngày 17/5/2021, Toà án nhân dân huyện Hoài Đức đã gửi công văn đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cung cấp thông tin doanh nghiệp đối với Công ty N. Ngày 03/6/2021, Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đã cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số doanh nghiệp 0105264955, đăng ký lần đầu ngày 27/09/2012, hiện nay doanh nghiệp trên chưa đăng ký thủ tục giải thể, tạm ngừng hoạt động, hay bất kỳ thủ tục thay đổi đăng ký doanh nghiệp nào khác.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và xuất nhập khẩu N có 3 cổ đông sáng lập gồm:

- Lê Việt C; sinh năm 1983 có hộ khẩu thường trú: Số 68, tổ 7, phường PL, quận DD, thành phố Hà Nội (Hiện nay ông Lê Việt C có Hộ khẩu thường trú tại: Thôn A, xã DT, huyện HĐ, thành phố Hà Nội) .

- Nguyễn Vũ H; sinh năm 1983 có hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã DT, huyện HĐ, thành phố Hà Nội.

- Nguyễn Vũ T, sinh năm 1985; có hộ khẩu thường trú: Số nhà 12A, ngách 211/85 Ngõ 211 đường KT, phường KT, Quận TX, Hà Nội.

Toà án tiến hành xác minh nơi cư trú đối với cả 03 cổ đông nhưng tại những địa chỉ trên nhưng 03 người này hiện không ăn ở sinh sống tại địa chỉ này, hiện ở đâu không rõ địa chỉ. Vì vậy Toà án không thể triệu tập được họ để thu thập thông tin về người đại diện theo pháp luật.

Toà án đã yêu cầu Ngân hàng thực hiện thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về việc giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng Ngân hàng không yêu cầu và từ chối chịu lệ phí thông báo.

Do người đại diện theo pháp luật của Công ty N vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Toà án không thu thập được ý kiến, lời khai và tài liệu chứng cứ của Công ty N đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V.

Tại phiên toà hôm nay, bị đơn là Công ty N vắng mặt; đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng V rút một phần yêu cầu khởi kiện: Cụ thể rút phần yêu cầu công ty N phải trả tiền phạt chậm trả lãi số tiền là: 219.489.521đ (Hai trăm mười chín triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn năm trăm hai mươi một đồng). Đề nghị Tòa án giải quyết, buộc:

Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và xuất nhập khẩu N phải thanh toán cho Ngân hàng V toàn bộ số tiền còn nợ theo các Hợp đồng tín dụng sau: Hợp đồng tín dụng số 010917-3583354-01-SME ngày 01/09/2017 (Khế ước nhận nợ số 010917-3583354-01-SME ngày 01/09/2017; Hợp đồng tín dụng số 110717-3583354-01-SME ngày 12/07/2017 (Khế ước nhận nợ số 120717-3583354-01-SME ngày 12/07/2017; Hợp đồng tín dụng số 200417-3583354-01-SME ngày 25/04/2017 (với 02 khế ước nhận nợ: Khế ước nhận nợ số 020218-3583354-01-SME ngày 02/02/2018; Khế ước nhận nợ số 031017-3583354-01-SME ngày 03/10/2017); Hợp đồng tín dụng số 170518-3583354-01-SME ngày 21/05/2018 (Khế ước nhận nợ số 180518-3583354-01-SME ngày 21/05/2018); Hợp đồng sử dụng thẻ số 298-C-527820. Tính đến ngày 15/11/2021 Công ty N còn nợ Ngân hàng V với tổng số tiền là: **2.613.232.770đ** (Hai tỷ sáu trăm mười ba triệu hai trăm ba mươi hai nghìn bảy trăm bảy mươi đồng) trong đó gốc là: **1.349.541.018đ** (Một tỷ ba trăm bốn mươi chín triệu năm trăm bốn mươi một nghìn không trăm mười tám đồng); nợ lãi trong hạn là: **37.557.338đ** (Ba mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi tám đồng); lãi quá hạn là: **1.207.102.414đ** (Một tỷ hai trăm linh bảy triệu một trăm linh hai nghìn bốn trăm mười bốn đồng); Nợ lãi bỏ

sung là: **19.032.000đ** (*Mười chín triệu không trăm ba mươi hai đồng*).

- Trường hợp Công ty N không trả được nợ thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger, BKS: 29C-867.36, theo giấy hẹn lấy đăng ký xe do công an thành phố Hà Nội cấp ngày 30/08/2017 đứng tên Công ty CP ĐTXD & XNK N. Xác lập thế chấp tại Ngân hàng V theo hợp đồng thế chấp số 300817-3583354-01-SME/TC ký ngày 31/08/2017.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành việc triệu tập của Tòa án và không có ý kiến, không giao nộp tài liệu, chứng cứ.

Về nội dung: Căn cứ Điều 30, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 292, 293, 294, 295, 296, 298, 299, 303, 317, 318, 319, 320, 322, 323 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBNTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức buộc Công ty N phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (Ngân hàng V) số tiền tạm tính đến 15/11/2021 là: **2.613.232.770đ** (*Hai tỷ sáu trăm mười ba triệu hai trăm ba mươi hai nghìn bảy trăm bảy mươi đồng*) trong đó gốc là: **1.349.541.018đ** (*Một tỷ ba trăm bốn mươi chín triệu năm trăm bốn mươi một nghìn không trăm mười tám đồng*); nợ lãi trong hạn là: **37.557.338đ** (*Ba mươi bảy triệu năm trăm lăm mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi tám đồng*); lãi quá hạn là: **1.207.102.414đ** (*Một tỷ hai trăm linh bảy triệu một trăm linh hai nghìn bốn trăm mười bốn đồng*); Nợ lãi bổ sung là: **19.032.000đ** (*Mười chín triệu không trăm ba mươi hai đồng*).

- Chấp nhận một phần rút yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đó là: Tiền phạt chậm trả lãi.

Kể từ ngày 16/11/2021 Công ty N phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán của các hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng V cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc.

Trong trường hợp Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và xuất nhập khẩu N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP V có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng V: 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger, BKS: 29C-867.36 và tài sản của ông C và bà Hà đã bảo lãnh cho Công ty N vay tiền tại Ngân hàng.

Buộc Công ty N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 04/5/2020, Ngân hàng TCMP V có đơn khởi kiện đối với Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và xuất nhập khẩu N, có trụ sở tại thôn A, xã DT, huyện HĐ, Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Theo hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, hợp đồng thế chấp và theo kết quả xác minh có đủ cơ sở xác định đơn khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi bị đơn có trụ sở. Việc bị đơn thay đổi trụ sở gắn với quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng mà không có thông báo cho người khởi kiện biết về nơi hoạt động mới theo Điều 79 Bộ luật Dân sự thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án giải quyết theo quy định chung và niêm yết các văn bản tố tụng đối với Công ty N.

Tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của Công ty N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai, áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Công ty N.

[2] Về nội dung:

2.1. Xét hiệu lực của Hợp đồng tín dụng:

Ngân hàng V và Công ty N đã ký 04 Hợp đồng tín dụng và 01 Hợp đồng thế gồm:

- Hợp đồng tín dụng số 010917-3583354-01-SME ngày 01/09/2017 (Khế ước nhận nợ số 010917-3583354-01-SME ngày 01/09/2017;
- Hợp đồng tín dụng số 110717-3583354-01-SME ngày 12/07/2017 (Khế ước nhận nợ số 120717-3583354-01-SME ngày 12/07/2017;
- Hợp đồng tín dụng số 200417-3583354-01-SME ngày 25/04/2017 (với 02

khế ước nhận nợ: Khế ước nhận nợ số 020218-3583354-01-SME ngày 02/02/2018; Khế ước nhận nợ số 031017-3583354-01-SME ngày 03/10/2017);

- Hợp đồng tín dụng số 170518-3583354-01-SME ngày 21/05/2018 (Khế ước nhận nợ số 180518-3583354-01-SME ngày 21/05/2018);

- Hợp đồng sử dụng thẻ số 298-C-527820.

Tổng số tiền Công ty N được giải ngân theo các khế ước nhận nợ là: 1.796.913.000 đồng (Một tỷ, bảy trăm chín mươi sáu triệu, chín trăm mười ba nghìn đồng). Mục đích vay của các Hợp đồng tín dụng trên là: thanh toán tiền hàng cho Công ty. Công ty N đã nhận đủ số tiền trên.

Xét hợp đồng tín dụng, hợp đồng thẻ và các Khế ước nhận nợ được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, có mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định tại khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, điểm đ khoản 1 Điều 25 Quyết định 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (sau đây gọi là Quy chế cho vay 1627), nên có hiệu lực pháp luật.

2.2 Xét yêu cầu xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng:

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng V xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể rút phần yêu cầu công ty N phải trả tiền phạt chậm trả lãi số tiền là: 219.489.521đ (Hai trăm mười chín triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn năm trăm hai mươi một đồng). Việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện và không trái các quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ yêu cầu đối với khoản tiền phạt chậm trả lãi.

2.3. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 25/6/2018 nên Ngân hàng V quyết định thu hồi nợ đối với các khoản vay của Công ty N. Việc Công ty N vi phạm nghĩa vụ trả nợ và Ngân hàng V có quyết định thu hồi nợ là có cơ sở pháp luật.

2.4. Quá trình vay nợ Công ty N đã trả được 1 phần gốc và lãi là: 617.686.923 đồng (Sáu trăm mười bảy triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn chín trăm hai mươi ba đồng) trong đó, gốc là: 447.326.000đ; lãi là: 170.360.923đ.

2.5. Tại phiên tòa, Ngân hàng V xác định đến ngày 15/11/2021, Công ty N còn nợ lại Ngân hàng V số tiền: **2.613.232.770đ** (Hai tỷ sáu trăm mười ba triệu hai trăm ba mươi hai nghìn bảy trăm bảy mươi đồng) trong đó gốc là: **1.349.541.018đ** (Một tỷ ba trăm bốn mươi chín triệu năm trăm bốn mươi một nghìn không trăm mười tám đồng); nợ lãi trong hạn là: **37.557.338đ** (Ba mươi bảy triệu năm trăm lăm mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi tám đồng); lãi quá hạn

là: **1.207.102.414đ** (Một tỷ hai trăm linh bảy triệu một trăm linh hai nghìn bốn trăm mười bốn đồng); Nợ lãi bổ sung là: **19.032.000đ** (Mười chín triệu không trăm ba mươi hai đồng). Ngân hàng V đề nghị nếu Công ty N không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản đã thế chấp, bảo lãnh để thu hồi nợ.

2.6. Xét thấy, sau khi ký kết các hợp đồng tín dụng, Ngân hàng V đã giải ngân cho Công ty N tổng số tiền gốc là **1.796.913.000đ**. Công ty N đã không thực hiện đúng việc trả tiền gốc và lãi vay theo thỏa thuận mà hai bên đã ký kết, nên Công ty N là bên có lỗi và vi phạm hợp đồng nên phải chịu hậu quả của giao dịch đã giao kết theo quy định của pháp luật. Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ tiền vốn đã vay là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại điều 463; 466; 468; 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.7. Xét yêu cầu của Ngân hàng V về khoản lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng là có căn cứ, phù hợp với các điều khoản các bên đã ký kết và phù hợp quy định tại Điều 11 Quy chế cho vay của các Tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà nước ban hành và Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 về hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Do đó có đủ căn cứ buộc Công ty N tiếp tục phải chịu lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất quy định trong các Hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 16/11/2021 cho đến thanh toán xong số nợ gốc cho Ngân hàng V.

2.8 Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm:

Để bảo đảm cho khoản vay, Công ty N đã thế chấp 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger, BKS: 29C-867.36, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Xuất nhập khẩu N theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 300817-3583354-01-SME/TC ký ngày 31/8/2017. Chiếc ô tô trên được bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ của Công ty N phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng mà Công ty N ký với Ngân hàng V.

Xét Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên, nhận thấy: Hợp đồng thế chấp được xác lập trên ý chí tự nguyện của các bên, về hình thức, thẩm quyền công chứng, chứng thực và đăng ký thế chấp là phù hợp theo quy định tại Điều 317, Điều 318, Điều 319 Bộ luật Dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó, hợp đồng thế chấp đã ký giữa các bên là có hiệu lực thi hành. Yêu cầu của Ngân hàng V đề

ngiht được xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp Công ty N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ nên được chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng trình bày hiện nay không biết chiếc xe này ở đâu và không đề nghị Toà án tiến hành việc xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản. Do đó, Toà án có Công văn số 41/TB-TLVA đề nghị Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Hà Nội cung cấp thông tin đăng ký đối với chiếc xe ô tô trên. Ngày 05/02/2021, Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Hà Nội có công văn số 382/CSGT-QLX cung cấp thông tin chiếc xe ô tô như sau: Xe ô tô BKS 29C-867-36, loại xe: tải pickup ca bin kép, nhãn hiệu: FORD, số loại: RANGER, số máy: P4AT2478508, Số khung: MNCLMFF20HW749838; Ngày 30/8/2017, Phòng CSGT-CATP Hà Nội đã tiếp nhận hồ sơ làm thủ tục đăng ký mới xe ô tô có thông tin như trên cho chủ phương tiện: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và xuất nhập khẩu N, địa chỉ: Thôn Ải, xã Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Ngày 08/01/2021, Toà án có Công văn số 18/TB-TLVA đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện Hoài Đức cung cấp thông tin xác minh phương tiện Giao thông đối với chiếc xe ô tô trên. Ngày 08/02/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện Hoài Đức có công văn số 132 cung cấp thông tin xác định nguồn gốc chiếc xe ô tô BKS 29C-867.36 có chủ sở hữu là Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và xuất nhập khẩu N, địa chỉ: Thôn Ải, xã Di Trạch, huyện Hoài Đức, Hà Nội, Số máy: P4AT2478508, Số khung: MNCLMFF20HW749838 và chiếc xe ô tô BKS: 29C-867.36 không có trong cơ sở dữ liệu ô tô vật chứng.

Xét yêu cầu xử lý phát mại tài sản thế chấp của Ngân hàng V để thu hồi nợ thấy: Theo Công văn số 382/CSGT-QLX ngày 05/02/2021 của Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Hà Nội chiếc xe ô tô nhãn hiệu FORD RANGER, BKS 29C-867.36 mang tên Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và xuất nhập khẩu N, không có sự chuyển nhượng sang tên cho người khác, do đó, Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và xuất nhập khẩu N vẫn là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe trên. Chiếc xe là tài sản thế chấp bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ của Công ty N phát sinh từ phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Ngân hàng V. Do đó khi Công ty N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu Công ty N phải thực hiện nghĩa vụ của bên thế chấp. Tuy nhiên do hiện nay không xác định được tài sản thế chấp là chiếc ô tô ở đâu nên trong trường hợp Ngân hàng V phát hiện chiếc xe ô tô ở đâu thì có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mại để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty N tại Ngân hàng Ngân hàng V ông Lê Việt C và bà Nguyễn Vũ H đã ký các các Hợp đồng bảo lãnh: Hợp đồng Bảo lãnh số 180518-SME/HĐBL/NGÂN HÀNG V-01-SME ký ngày 18/05/2018; Hợp đồng Bảo lãnh số 180518-SME/HĐBL/NGÂN HÀNG V-02-SME ký ngày 18/05/2018; Hợp đồng Bảo lãnh số 110717-3583354-01-SME/HĐBL ký ngày 12/07/2017; Hợp đồng Bảo lãnh số 110717-3583354-02-SME/HĐBL ký ngày 12/07/2017. Ông Lê Việt C cùng bà Nguyễn Vũ H đồng ý, bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Bên được bảo lãnh (Công ty N) trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý tài sản thế chấp (chi phí thu giữ, trông giữ, chi phí bán đấu giá, tiền phí thi hành án...) và tất cả các nghĩa vụ khác của Bên được bảo lãnh đối với Bên ngân hàng phát sinh từ Hợp đồng cho vay số 170518-3583354-01-SME ký ngày 18/05/2018; Hợp đồng cho vay số 110717-3583354-01-SME ký ngày 12/07/2017 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa Bên được bảo lãnh và Bên Ngân hàng bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

Việc ký kết các hợp đồng bảo lãnh trên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên ông C và bà Hà phải chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình với các khoản vay của Công ty N tại Ngân hàng V. Yêu cầu của Ngân hàng về việc kê biên phát mại các tài sản của ông C và bà Hà để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty N tại Ngân hàng nếu phát mại tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô của Công ty N không đủ trả nợ. Yêu cầu này của Ngân hàng là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí tính trên phần nghĩa vụ phải thanh toán cho Nguyên đơn; trả lại Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 292, 293, 295, 296, 298, 299, 303, 317, 318, 319, 320, 322, 323; 463; 466; 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 sửa đổi bổ sung

một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP.

- Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016.

- Điều 7, Điều 8, Điều 13 và Điều 14 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTM ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và xuất nhập khẩu N.

2. Buộc Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và Xuất nhập khẩu N phải trả cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 15/11/2021 theo các Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ là: **2.613.232.770đ** (*Hai tỷ sáu trăm mười ba triệu hai trăm ba mươi hai nghìn bảy trăm bảy mươi đồng*) trong đó gốc là: **1.349.541.018đ** (*Một tỷ ba trăm bốn mươi chín triệu năm trăm bốn mươi một nghìn không trăm mười tám đồng*); nợ lãi trong hạn là: **37.557.338đ** (*Ba mươi bảy triệu năm trăm lăm mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi tám đồng*); lãi quá hạn là: **1.207.102.414đ** (*Một tỷ hai trăm linh bảy triệu một trăm linh hai nghìn bốn trăm mười bốn đồng*); Nợ lãi bổ sung là: **19.032.000đ** (*Mười chín triệu không trăm ba mươi hai đồng*).

Kể từ ngày 16/11/2021 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong các Hợp đồng tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Trong trường hợp Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và xuất nhập khẩu N không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (Ngân hàng V) có quyền đề nghị cơ quan thi hành án phát mại tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger, BKS: 29C-867.36 và các tài sản của ông Lê Việt C và bà Nguyễn Vũ Hà để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

4. Đình chỉ yêu cầu về khoản tiền phạt chậm trả lãi của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

*** Quyền yêu cầu thi hành án dân sự:**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án.

5. Về án phí:

- Bị đơn là Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và xuất nhập khẩu N phải chịu 84.264.660đ (*Tám mươi bốn triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn sáu trăm sáu mươi đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Trả lại Ngân hàng TMCP V số tiền 36.000.000đ (*Ba mươi sáu triệu đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000218 ngày 25/12/2020 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, Ngân hàng TMCP V) có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và xuất nhập khẩu N, ông Lê Việt C, bà Nguyễn Vũ H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TANDTP. Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- VKSND. huyện Hoài Đức;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

